

## NGHIÊN CỨU KHẢ NĂNG SẢN XUẤT CỦA GÀ DA15-16 QUA CÁC THẾ HỆ

Phạm Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Mười, Trần Quốc Hùng, Nguyễn Trung Hiếu, Nguyễn Thị Hải, Chu Thị Thanh Thủy, Ngô Thị Tố Uyên và Trần Thị Thu Hằng

Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi - Viện Chăn nuôi

Tác giả liên hệ: Phạm Thị Thanh Bình; Tel: 0982.217.287; Email: binhpham7287@gmail.com

### TÓM TẮT

Gà DA15-16 được nhập về Việt Nam từ năm 2016 thông qua dự án DA15 với mục tiêu khảo sát đánh giá đặc điểm ngoại hình đặc trưng và đánh giá được khả năng sản xuất của gà DA15-16 qua các thế hệ từ 2016 - 2019. Thí nghiệm được bố trí theo phương pháp một yếu tố hoàn toàn ngẫu nhiên (CRD). Kết quả nghiên cứu cho thấy: Gà DA15-16 có bộ lông màu trắng đồng nhất, mỏ và da chân màu đen. Gà DA15-16 có tỷ lệ nuôi sống cao từ 0 - 8 tuần tuổi 96,01 - 96,46%. Giai đoạn 9 - 20 tuần tuổi ở gà trống đạt 96,61 - 97,14% và ở gà mái là 97,06 - 97,54%; khối lượng cơ thể lớn, lúc 20 tuần tuổi khối lượng trung bình gà trống đạt 2589,33 - 2669,33 g; gà mái đạt 1865,33 - 1935,33 g đây là ưu điểm của giống gà này trong xu hướng phát triển gà xương đen thịt đen thành sản xuất hàng hóa hiện nay và là lợi thế trong công tác lai tạo với các giống gà xương đen, thịt đen trong nước có khối lượng nhỏ. Gà DA15-16 có tuổi đẻ trứng đầu (147-151 ngày tuổi). Năng suất trứng/mái/52 tuần tuổi đạt 73,75 - 76,05 quả; tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng (3,46-3,44 kg); tỷ lệ phôi (88,90- 90,20%).

**Từ khóa:** gà DA15-16, thế hệ, khả năng sản xuất

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay trong xu hướng phát triển chung của toàn xã hội, đời sống ngày càng được cải thiện thì nhu cầu ăn ngon, chất lượng thực phẩm bổ dưỡng ngày càng được người tiêu dùng quan tâm hơn. Gà là thực phẩm có thành phần dinh dưỡng cao đặc biệt là gà xương đen, thịt đen ngoài các thành phần dinh dưỡng như các giống gà khác thì các giống gà đen như gà Ác, gà H'ômông, gà Hắc Phong... có hàm lượng sắt, và một số axit amin không thay thế cao hơn các giống gà thông thường (Lương Thị Hồng, 2005 và Trần Thị Mai Phương, 2004). Trước đây gà xương đen, thịt đen thường chỉ được dùng để bồi bổ sức khỏe cho người ốm hoặc phụ nữ có thai nhưng hiện nay các giống gà này không còn quá xa lạ đối với người tiêu dùng vì nó đang phát triển theo xu hướng sản xuất hàng hóa.

Trong khuôn khổ hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Viện Chăn nuôi với Tiểu dự án II thuộc Dự án DA 15/99 về việc tiếp nhận các nguồn nguyên liệu di truyền vật nuôi phục vụ cho mục đích nghiên cứu nhằm phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp. Năm 2016 Viện Chăn nuôi đã tiếp nhận nguồn nguyên liệu ban đầu 488 trứng gà DA15-16, giao cho trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi nghiên cứu và khảo nghiệm. Đây là giống gà có xương đen, da đen, thịt đen có khối lượng cơ thể lớn là ưu điểm của giống gà này trong xu hướng phát triển gà xương đen thịt đen thành sản xuất hàng hóa hiện nay ở Việt Nam và là lợi thế trong công tác lai tạo với các giống gà xương đen, thịt đen trong nước có khối lượng nhỏ tạo ưu thế lai trong sản xuất.

Việc triển khai nuôi khảo nghiệm với các nguồn nguyên liệu mới nhập là rất cần thiết nhằm đánh giá đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất của giống qua các thế hệ nhân thuần để đưa ra định hướng sử dụng phù hợp, đồng thời góp phần bổ sung vào nhóm các giống gà có cùng phẩm giống tương tự hiện có ở Việt Nam như gà Ác, gà Thái Hòa, gà H'ômông, gà Hắc Phong... Chính vì vậy, chúng tôi đã triển khai đề tài “Khả năng sản xuất của gà DA15-16 qua các thế hệ”.

### Mục tiêu

Xác định được đặc điểm ngoại hình của gà DA15-16;

Đánh giá được khả năng sản xuất (sinh trưởng và sinh sản) của gà DA15-16.

## VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### **Đối tượng nghiên cứu**

Gà DA15-16 thế hệ xuất phát: 276 con 01 ngày tuổi

Gà DA15-16 thế hệ 1: 410 con 01 ngày tuổi

Gà Da15-16 thế hệ 2: 508 con 01 ngày tuổi

### **Địa điểm và thời gian nghiên cứu**

Địa điểm nghiên cứu: Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi

Địa điểm khảo sát trứng: Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi

Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2016 đến năm 2019.

### **Nội dung nghiên cứu**

Đánh giá đặc điểm ngoại hình gà DA15-16

Đánh giá khả năng sinh trưởng gà DA15-16

Đánh giá khả năng sinh sản gà DA15-16

### **Phương pháp nghiên cứu**

#### ***Phương pháp đánh giá đặc điểm ngoại hình***

Quan sát bằng mắt thường, chụp ảnh, ghi chép, mô tả các đặc điểm ngoại hình tại các thời điểm 01 ngày tuổi, 8 tuần tuổi, 20 tuần tuổi và trưởng thành (38 tuần tuổi): hình dáng, màu sắc lông, da, cổ, mỏ, đầu, đuôi, chân.

#### ***Phương pháp đánh giá khả năng sinh trưởng***

Tỷ lệ nuôi sống (%): Hàng ngày theo dõi tình trạng sức khỏe và số gà chết để theo dõi tỷ lệ nuôi sống.

Khối lượng cơ thể (g/con): Cân khối lượng cơ thể gà tại các thời điểm 01 ngày tuổi, sau và từng tuần tuổi. Hàng tuần cân vào một ngày nhất định lúc đầu giờ sáng trước khi cho gà ăn.

Lượng thức ăn tiêu thụ (gam): Hàng ngày cân chính xác lượng thức ăn cho ăn và ghi chép lại. Hàng tuần vào một ngày nhất định của tuần (cùng với thời điểm cân gà hàng tuần) vét sạch thức ăn thừa trong máng và cân lại để tính lượng thức ăn thu nhận.

#### ***Phương pháp đánh giá khả năng sinh sản***

Tuổi đẻ quả trứng đầu (*ngày tuổi*): Là thời gian từ một ngày tuổi đến thời điểm gà mái trong đàn đẻ quả trứng đầu tiên.

Tuổi đạt tỷ lệ đẻ 5%, 30%, 50%/số gà mái đẻ trứng (Đơn vị tính: ngày tuổi).

Năng suất trứng (quả): Cuối mỗi ngày đếm chính xác số trứng đẻ ra để theo dõi tỷ lệ đẻ và năng suất trứng giai đoạn sinh sản.

$$\text{Tiêu tốn thức ăn/10 trứng} = \frac{\text{Tổng lượng thức ăn tiêu thụ (kg)}}{\text{Tổng trứng đẻ ra (quả)}} \times 10$$

Đối với các chỉ tiêu chất lượng trứng: Ở mỗi thế hệ chúng tôi tiến hành khảo sát 30 quả trứng tại thời điểm 38 tuần tuổi, đánh giá thông qua các chỉ tiêu cơ bản như khối lượng trứng, tỷ lệ lòng đỏ, tỷ lệ lòng trắng, chỉ số hình thái, đơn vị Haugh....

Tỷ lệ trứng có phôi được xác định thông qua việc soi kiểm tra toàn bộ trứng ở ngày ấp thứ 6. Trứng có phôi được xác định bằng tổng số trứng ấp trừ đi số trứng không phôi

$$\text{Tỷ lệ trứng có phôi (\%)} = \frac{\text{Trứng có phôi (quả)}}{\text{Số trứng đưa vào ấp (quả)}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ nở/số trứng ấp (\%)} = \frac{\text{Tổng số gà nở (con)}}{\text{Số trứng đưa vào ấp (quả)}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ gà loại I/số trứng ấp (\%)} = \frac{\text{Tổng số gà nở loại I (con)}}{\text{Số trứng đưa vào ấp (quả)}} \times 100$$

### Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng

Chế độ chăm sóc nuôi dưỡng dựa trên cơ sở quy trình hướng dẫn nuôi gà H' mông của Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi với phương thức nuôi nền có trấu là đệm lót (Bảng 1 và Bảng 2).

Bảng 1. Chế độ chăm sóc nuôi dưỡng gà DA15-16

Giai đoạn	Tuần tuổi	Mật độ	Tỷ lệ Trống/mái	Chế độ ăn	Chế độ chiếu sáng
Gà con	01NT-4	25-15	Nuôi chung	Tự do	24/24 giờ sau đó giảm dần đến ánh sáng tự nhiên
	5-8	15-10			
Gà dò - hậu bị	9-16	9 - 7	Nuôi riêng	Hạn chế	Ánh sáng tự nhiên
	17-20	7 - 6			
Gà sinh sản	(>20 TT)	5 - 3	1/8-1/10	Theo tỷ lệ đẻ	16 giờ / ngày

Bảng 2. Giá trị dinh dưỡng trong khẩu phần ăn cho gà DA15-16

Chỉ tiêu	Giai đoạn (tuần tuổi)				
	1 -4	5-8	9 - 16	17 - 20	>20
Năng lượng (kcal/kg TĂ)	2950	2850	2750	2750	2700
Protein (%)	21,0	18,0	14,5	16,00	17,5
Canxi (%)	0,95	1,45	1,43	2,70	3,4
Phot pho (%)	0,70	0,74	0,63	0,75	0,70
Methionin (%)	0,54	0,34	0,30	0,42	0,44
Lyzin (%)	1,1	0,96	0,71	1,00	1,05

### Xử lý số liệu

Các số liệu được cập nhật vào máy vi tính bằng chương trình Microsoft Excel 2010 và xử lý thống kê bằng ANOVA trên phần mềm SAS 9.1. Phép thử DUNCAN được sử dụng để so sánh các giá trị trung bình với độ tin cậy 95%. Các giá trị trung bình được coi là khác nhau có ý nghĩa thống kê khi giá trị P nhỏ hơn 0,05.

## KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### Đặc điểm ngoại hình của gà DA15-16

Qua 3 thế hệ cho thấy gà DA15-16 vẫn ổn định màu lông, màu da và chân. Lúc 01 ngày tuổi toàn bộ gà có bộ lông đồng nhất màu trắng sữa, mỏ và da chân màu đen. Khi trưởng thành gà trống và gà mái đều có bộ lông vũ màu trắng, con trống thân hình cao to, mỏ đơn, mỏ tích phát triển có màu đen và màu đen mượt, con mái thân hình trung bình, mỏ tích màu đen hoặc đen mượt nhưng kém phát triển hơn con trống. Cả con trống và con mái đều có mỏ đen, da chân và thân màu đen.

### Khả năng sinh trưởng của gà DA15-16

#### Tỷ lệ nuôi sống của gà DA15-16

Tỷ lệ nuôi sống của gà DA15-16 qua các thế hệ được thể hiện ở Bảng 3 và Bảng 4.

Qua Bảng 3 và Bảng 4 cho thấy tỷ lệ nuôi sống của gà DA15-16 cao, giai đoạn 01 NT - 8 tuần tuổi ở thế hệ xuất phát, thế hệ 1 và thế hệ 2 đạt lần lượt là 96,01%, 96,59% và 96,46%. Giai đoạn hậu bị (9 - 20 tuần tuổi) đạt 97,07 - 97,54% đối với gà mái và 96,61 - 97,14% đối với gà trống.

Theo Phạm Công Thiệu và cs. (2018) tỷ lệ nuôi sống trung bình qua 3 năm của gà Hắc Phong giai đoạn 0 - 8 tuần tuổi đạt 94,90%. Giai đoạn 9 - 19 tuần tuổi đạt 93,78% đối với gà mái và 94,50% đối với gà trống thì kết quả nghiên cứu của chúng tôi đạt cao hơn. Điều này cho thấy gà DA15-16 có khả năng thích nghi tốt với điều kiện môi trường Việt Nam.

Bảng 3. Tỷ lệ nuôi sống của gà DA15-16 giai đoạn gà con (0 - 8 tuần tuổi)

Tuần tuổi	Thế hệ xuất phát		Thế hệ 1		Thế hệ 2	
	N (con)	TLNS	N (con)	TLNS	N (con)	TLNS
01NT	276		410		508	
2	270	97,83	405	98,78	500	98,43
4	267	96,74	402	98,05	495	97,44
6	266	96,38	398	97,07	491	96,65
8	265	96,01	396	96,59	490	96,46

Ghi chú: TLNS: Tỷ lệ nuôi sống; N: Số con

Bảng 4. Tỷ lệ nuôi sống của gà DA15-16 giai đoạn dò, hậu bị (9 - 20 tuần tuổi)

TT	Thế hệ xuất phát				Thế hệ 1				Thế hệ 2			
	Trống		Mái		Trống		Mái		Trống		Mái	
	Đầu kỳ (con)	TLNS	Đầu kỳ (con)	TLNS	Đầu kỳ (con)	TLNS	Đầu kỳ (con)	TLNS	Đầu kỳ (con)	TLNS	Đầu kỳ (con)	TLNS
9	59		147		68		163		70		205	
10	59	100,00	147	100,00	68	100,00	163	100,00	69	98,57	204	99,51
12	59	100,00	145	98,64	67	98,53	162	99,39	69	98,57	202	98,54
14	58	98,31	144	97,96	66	97,06	162	99,39	68	97,14	202	98,54
16	57	96,61	144	97,96	66	97,06	160	98,16	68	97,14	200	97,56
18	57	96,61	144	97,96	66	97,06	159	97,55	68	97,14	200	97,56
20	57	96,61	143	97,28	66	97,06	159	97,55	68	97,14	199	97,07

Ghi chú: TT: Tuần tuổi; TLNS: Tỷ lệ nuôi sống

### Khối lượng cơ thể gà DA15-16 qua các tuần tuổi

Khối lượng của gà DA15-16 qua các thế hệ được thể hiện ở Bảng 5 và Bảng 6.

Kết quả cho thấy gà DA15-16 có ưu điểm vượt trội về tốc độ sinh trưởng so với các nhóm gà thuộc (cùng có thịt đen, da đen, xương đen) cụ thể:

Kết thúc 8 tuần tuổi gà DA15-16 đạt 1009,67 g/con (thế hệ xuất phát); 1024,67g/con (thế hệ 1) và 1052,67 g/con (thế hệ 2). Kết quả nghiên cứu trên cao hơn khối lượng cơ thể tại thời điểm 8 tuần tuổi của gà Hắc Phong đạt 666,47 g/con (Phạm Công Thiệu và cs., 2018), gà H' mông đạt 653,40 g/con, gà Ác Thái Hòa đạt 386,7 - 460,20 g/con và gà Ác Việt Nam đạt 325,4 - 399,7 g/con (Phạm Công Thiệu và cs., 2009).

Tại thời điểm 20 tuần tuổi khối lượng cơ thể của gà trống đạt 2589,33 - 2669,33 g, gà mái đạt 1865,33 - 1935,33g. So sánh qua 3 thế hệ cả ở thời điểm 8 và 20 tuần tuổi cho thấy thế hệ 1 và thế hệ 2 có khối lượng tương đương và cao hơn thế hệ xuất phát. Điều này có thể giải thích do thế hệ xuất phát gà DA15-16 chưa thích nghi với môi trường Việt Nam.

Bảng 5. Khối lượng cơ thể của gà DA15-16 giai đoạn gà con (0-8 tuần tuổi)

(ĐVT: g/con; n=30)

Tuần tuổi	Thế hệ xuất phát	Thế hệ 1	Thế hệ 2
	Mean±SD	Mean±SD	Mean±SD
01NT	31,40 ± 1,64	32,17 ± 1,83	32,40 ± 1,90
2	150,40 ± 11,13	156,27 ± 13,37	160,33 ± 13,44
4	341,13 ± 33,23	352,07 ± 31,95	361,07 ± 33,85
6	711,83 ± 62,80	720,67 ± 62,76	729,33 ± 59,69
8	1009,67 <sup>b</sup> ± 123,78	1024,67 <sup>b</sup> ± 116,11	1052,67 <sup>a</sup> ± 102,69

Ghi chú: Trong cùng một hàng nếu các số trung bình giữa các thế hệ có chữ cái ký hiệu khác nhau thì sự sai khác giữa chúng có ý nghĩa thống kê ( $P < 0,05$ )

Bảng 6. Khối lượng cơ thể của gà DA15-16 giai đoạn dò, hậu bị ( 9 - 20 tuần tuổi)

(Đvt: g/con; n=30)

Tuần tuổi	Thế hệ xuất phát		Thế hệ 1		Thế hệ 2	
	Trống	Mái	Trống	Mái	Trống	Mái
	Mean±SD	Mean±SD	Mean±SD	Mean±SD	Mean±SD	Mean±SD
9	1210,50	963,67	1215,33	972,23	1234,17	982,17
	±122,76	±97,40	±130,67	±97,36	±147,59	±90,60
10	1376,33	1030,67	1397,67	1046,67	1416,00	1071,67
	±136,06	±85,86	±126,24	±75,86	±134,33	±77,20
12	1651,67	1231,67	1668,33	1251,67	1684,67	1266,33
	±148,02	±94,91	±150,11	±107,83	±121,53	±116,49
14	1859,33	1356,33	1869,33	1371,33	1881,67	1389,33
	±156,80	±104,57	±159,13	±106,37	±156,23	±105,76
16	2116,67	1463,00	2147,00	1475,33	2174,00	1499,67
	±198,17	±124,88	±175,89	±120,77	±191,74	±114,64
18	2414,33	1631,33	2464,33	1659,33	2488,67	1676,00
	±206,12	±120,54	±200,17	±156,93	±191,72	±146,75
20	2589,33 <sup>b</sup>	1865,33 <sup>d</sup>	2651,67 <sup>a</sup>	1928,33 <sup>c</sup>	2669,33 <sup>a</sup>	1935,33 <sup>c</sup>
	±217,13	±167,18	±230,22	±167,90	± 57,83	±174,82

Ghi chú: Trong cùng một hàng nếu các số trung bình giữa các thế hệ có chữ cái ký hiệu khác nhau thì sự sai khác giữa chúng có ý nghĩa thống kê ( $P < 0,05$ )

**Lượng thức ăn tiêu thụ giai đoạn con, dò, hậu bị**

Lượng thức ăn tiêu thụ giai đoạn con, dò, hậu bị được trình bày ở Bảng 7.

Bảng 7. Lượng thức ăn tiêu thụ của gà DA15-16 giai đoạn con, dò, hậu bị (g)

Thế hệ	01 NT - 8 TT	9-20 TT		Tổng 01 NT-20 TT	
		Trống	Mái	Trống	Mái
Xuất phát	2103,08	7014	6405	9117,08	8508,08
1	2214,87	7123	6522	9337,87	8736,87
2	2206,33	7126	6495	9332,33	8701,33
<b>Trung bình</b>	<b>2174,76</b>	<b>7087,67</b>	<b>6474,00</b>	<b>9262,43</b>	<b>8648,76</b>

Kết quả Bảng 7 cho thấy: Lượng thức ăn tiêu thụ ở giai đoạn 01 NT - 8 tuần tuổi ở 3 thế hệ của gà DA15-16 là tương đương nhau, thế hệ xuất phát là 2103,08 g; thế hệ 1 là 2214,87 g và thế hệ 2 là 2206,33 g. Giai đoạn 9 - 20 tuần tuổi con trống là 7014-7126 g và con mái là 6405 - 6522 g.

Theo Phạm Công Thiệu và cs. (2018) lượng thức ăn tiêu thụ giai đoạn từ 0 - 8 tuần tuổi của gà Hắc Phong qua 3 thế hệ là 1698,92 g/con; 9 - 19 tuần tuổi là 5808,63 g/con (gà trống) và 5363,32 g/con (gà mái) thì lượng thức ăn tiêu thụ của gà DA15-15 trong nghiên cứu của chúng tôi cao hơn so với gà Hắc Phong.

### Đánh giá khả năng sinh sản của gà DA15-16

Gà DA15-16 có tuổi đẻ trứng đầu khoảng 147-151 ngày (Bảng 8) muộn hơn so với gà H'mông, gà Ác Việt Nam, gà Ác Thái Hòa trong nghiên cứu của Phạm Công Thiều và cs. (2009) có tuổi đẻ trứng đầu gà H'mông là 138-141 ngày, gà Ác Việt Nam là 134 - 136 ngày và gà Thái Hòa là 139 - 142 ngày.

Bảng 8. Tuổi đẻ của gà DA15-16 ở các giai đoạn (ngày)

Chỉ tiêu	Thế hệ xuất phát	Thế hệ 1	Thế hệ 2
Đẻ trứng đầu	147	150	151
Đẻ đạt 5%	160	164	163
Đẻ đạt 30%	176	182	183
Đẻ đạt 50%	200	196	195
Đẻ đạt đỉnh cao	223	221	222

Gà DA15-16 có tuổi đẻ 5% dao động từ 160-164 ngày, tuổi đẻ 30% dao động từ 176-183 ngày, so với gà H'mông trong nghiên cứu của Phạm Công Thiều và cs. (2009) có tuổi đẻ 5% từ 150-154 ngày, tuổi đẻ 30% từ 169-172 ngày thì kết quả của chúng tôi cũng muộn hơn. Như vậy, DA15-16 có tuổi phát dục tương đối muộn hơn các giống gà da đen, thịt đen khác như gà H'mông, gà Ác, gà Thái Hòa.

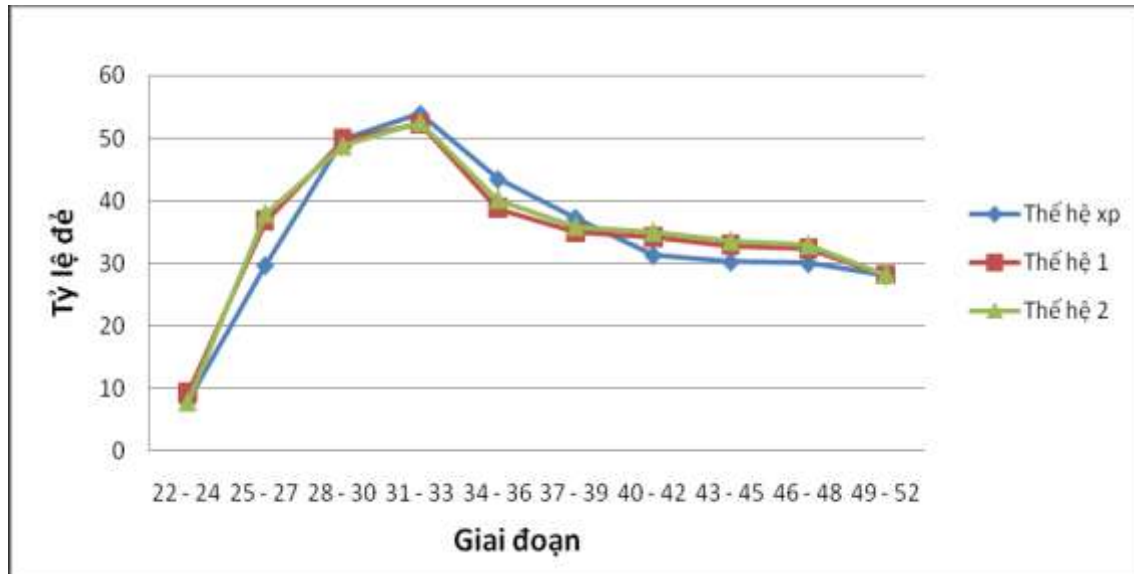
### Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và tiêu tốn thức ăn/10 trứng của gà DA15-16

Khi theo dõi đến 52 tuần tuổi, năng suất trứng (NST) ở thế hệ xuất phát của gà DA15-16 đạt 73,75 quả, thế hệ 1 đạt 75,28 quả, thế hệ 2 đạt 76,05 quả. Năng suất trứng của thế hệ 1, thế hệ 2 cao hơn thế hệ xuất phát 1,53 quả và 2,30 quả (Bảng 9).

Bảng 9. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng và TTTA/10 trứng của gà DA15-16

Giai đoạn	Thế hệ xp			Thế hệ 1			Thế hệ 2		
	TLĐ (%)	NST CD (quả)	TTTA/10tr (kg)	TLĐ (%)	NST CD (quả)	TTTA/10tr (kg)	TLĐ (%)	NST CD (quả)	TTTA/10tr (kg)
22 - 24	7,97	1,67	14,5	9,23	1,94	12,51	7,84	1,65	14,70
25 - 27	29,72	7,91	4,04	36,74	9,65	3,29	37,91	9,61	3,18
28 - 30	49,74	18,36	2,41	49,75	20,1	2,43	48,74	19,84	2,46
31 - 33	53,87	29,67	2,22	52,29	31,08	2,31	52,49	30,86	2,28
34 - 36	43,49	38,81	2,74	38,78	39,23	3,12	40,20	39,31	2,98
37 - 39	37,29	46,64	3,19	34,95	46,57	3,46	35,90	46,85	3,34
40 - 42	31,33	53,22	3,79	34,14	53,74	3,54	34,99	54,19	3,43
43 - 45	30,29	59,58	3,92	32,86	60,64	3,68	33,55	61,24	3,56
46 - 48	30,06	65,89	3,83	32,3	67,42	3,63	32,93	68,15	3,51
49 - 52	28,08	<b>73,75</b>	4,02	28,09	<b>75,28</b>	4,11	28,19	<b>76,05</b>	4,03
<b>TB</b>	<b>33,99</b>		<b>3,46</b>	<b>34,69</b>		<b>3,44</b>	<b>35,04</b>		<b>3,37</b>

Ghi chú: xp: Xuất phát; NSTCD: Năng suất trứng công dồn; TLĐ: Tỷ lệ đẻ; TTTA/10tr: Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng



Biểu đồ tỷ lệ đẻ của gà DA15-16 qua 3 thế hệ

Theo Phạm Công Thiều và cs. (2018) gà Hắc Phong có NST/mái/52 tuần tuổi đạt 102,12 quả, tỷ lệ đẻ bình quân đạt 45,59%; Đồng Sỹ Hùng và cs. (2019) năng suất trứng/mái/52 tuần tuổi của gà Ninh Hòa đạt 89,5 - 100,3 quả; tỷ lệ đẻ bình quân đạt 24,6 - 27,6% thì kết quả nghiên cứu của chúng tôi trên gà DA15-16 đạt thấp hơn.

#### Một số chỉ tiêu ấp nở của gà DA15-16

Bảng 10. Một số chỉ tiêu ấp nở của gà DA15-16 (n=6)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	DA15-16		
		Thế hệ XP	Thế hệ 1	Thế hệ 2
Tổng trứng ấp	quả	2175	2468	2709
Tỷ lệ phôi/trứng ấp	%	88,87 <sup>a</sup> ± 1,39	90,19 <sup>a</sup> ± 1,05	89,95 <sup>a</sup> ± 1,44
Tỷ lệ nở/trứng ấp	%	78,06 <sup>a</sup> ± 0,73	78,81 <sup>a</sup> ± 1,16	79,04 <sup>a</sup> ± 1,08
Tỷ lệ nở/trứng có phôi	%	87,85 <sup>a</sup> ± 1,79	87,39 <sup>a</sup> ± 1,78	87,89 <sup>a</sup> ± 1,69

Ghi chú: Trong cùng một hàng nếu các số trung bình giữa các thế hệ có chữ cái ký hiệu khác nhau thì sự sai khác giữa chúng có ý nghĩa thống kê ( $P < 0,05$ )

Trứng giống được thu vào ấp, qua 6 đợt ấp ở các giai đoạn tuần tuổi khác nhau (Tuần 28; 29; 37; 38; 40 và 41) tổng hợp số lượng trứng ấp và kết quả ấp nở được thể hiện ở Bảng 10. Kết quả ấp nở của gà DA15-16 qua 2 thế hệ có tỷ lệ phôi/trứng ấp đạt 88,90 - 90,20% và tỷ lệ nở/trứng ấp đạt 78,02 - 79,03%. Khi so sánh giữa các thế hệ không thấy có sự sai khác ( $P > 0,05$ ). Kết quả này nằm trong phạm vi kết quả nghiên cứu về một số giống gà nội như gà Mía (Hồ Xuân Tùng và cs., 2009), gà Ri hoa mơ (Ngô Thị Kim Cúc và cs., 2014).



**Một số chỉ tiêu chất lượng trứng**

Bảng 11. Một số chỉ tiêu chất lượng trứng của gà DA15-16 (n=30)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thế hệ Xuất phát	Thế hệ 1	Thế hệ 2
		Mean±SD	Mean±SD	Mean±SD
Khối lượng trứng	g	48,14 <sup>a</sup> ± 3,70	48,34 <sup>a</sup> ± 3,47	48,21 <sup>a</sup> ± 3,6
Tỷ lệ lòng đỏ	%	31,01 <sup>a</sup> ± 2,00	30,95 <sup>a</sup> ± 2,23	30,79 <sup>a</sup> ± 1,78
Tỷ lệ lòng trắng	%	58,76 <sup>a</sup> ± 2,16	58,24 <sup>a</sup> ± 2,64	58,96 <sup>a</sup> ± 2,51
Độ dày vỏ	mm	0,33 <sup>a</sup> ± 0,01	0,33 <sup>a</sup> ± 0,02	0,33 ± 0,02
Chỉ số hình dạng		1,31 <sup>a</sup> ± 0,04	1,31 <sup>a</sup> ± 0,04	1,32 <sup>a</sup> ± 0,05
Đơn vị Haugh	Hu	83,65 <sup>a</sup> ± 5,80	83,72 <sup>a</sup> ± 5,84	83,88 <sup>a</sup> ± 5,89

Ghi chú: Trong cùng một hàng nếu các số trung bình giữa các thế hệ có chữ cái ký hiệu khác nhau thì sự sai khác giữa chúng có ý nghĩa thống kê ( $P < 0,05$ )

Trứng gà DA15-16 đảm bảo chất lượng trứng tốt, cụ thể khối lượng trứng trung bình của gà DA15-16 lúc 38 tuần tuổi là 48,14 - 48,34 g. Trứng gà DA15-16 có chỉ số hình dạng đạt 1,31 - 1,32, tỷ lệ lòng đỏ đạt 30,79 - 31,01%, độ dày vỏ đạt 0,33mm, đơn vị Haugh đạt khá cao 83,65 - 83,88. So sánh giữa các thế hệ không có sự sai khác có ý nghĩa thống kê ( $P > 0,05$ ) Trứng có màu trắng hồng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.

Kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Việt Thái (2012) cho biết khối lượng trứng của gà H' mông lúc 37 - 38 tuần tuổi là 43,73 g. Như vậy, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy ở 38 tuần tuổi, trứng gà DA15-16 có khối lượng lớn hơn trứng gà H' mông.

**KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ**

**Kết luận**

Kết quả theo dõi qua 3 thế hệ cho thấy khả năng sản xuất của gà DA15-16 khá ổn định

*Đặc điểm ngoại hình*

Kết quả theo dõi qua 3 thế hệ cho thấy: Gà DA15-16 có màu lông đồng nhất, lúc 01 ngày tuổi có bộ lông màu trắng 100%, mỏ và da chân màu đen. Khi trưởng thành gà trống và gà mái đều có bộ lông vũ màu trắng, con trống thân hình cao to, mào đơn, mào tích phát triển có màu đen và màu đen mượt. Cả con trống và con mái đều có mỏ đen, da chân và thân màu đen.

*Khả năng sinh trưởng*

Gà DA15-16 có tỷ lệ nuôi sống cao giai đoạn 0 - 8 tuần tuổi đạt 96,01 - 96,46%. Giai đoạn 9 - 20 tuần tuổi ở gà trống đạt 96,61 - 97,14% và ở gà mái đạt 97,06 - 97,54%. Khối lượng cơ thể lúc 20 tuần tuổi trung bình gà trống 2589,33 - 2669,33 g; gà mái là 1865,33 - 1935,33 g. Tiêu tốn thức ăn 0 - 20 tuần tuổi của gà trống 9117,08 - 9337,87 g và gà mái là 8508,08 - 8736,87 g.

*Khả năng sinh sản*

Gà DA15-16 có tuổi đẻ trứng đầu muộ n từ 147 - 151 ngày. Năng suất trứng/mái/52 tuần tuổi đạt 73,75 - 76,05 quả, tương ứng với tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng 3,46 - 3,44 kg. Tỷ lệ phôi của gà DA15-16 là 88,90 - 90,20%; tỷ lệ gà nở/tổng trứng ấp là 78,02 - 79,03%.

**Đề nghị**

Thử nghiệm một số công thức lai với một số giống gà xương đen bản địa nhằm tạo con lai xương đen, thịt đen có năng suất cao.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Công Định, Phạm Thị Bích Hương, Nguyễn Thị Minh Tâm, Tạ Thị Bích Duyên, Trần Trung Thông, Hồ Xuân Tùng và Vũ Chí Thiện. 2014. Nghiên cứu chọn tạo dòng gà Ri. Báo cáo tổng kết Bộ Nông nghiệp.
- Lương Thị Hồng. 2005. Nghiên cứu khả năng sản xuất của tổ hợp lai giữa gà H'ômông với gà Ai cập, Luận văn thạc sỹ khoa học nông nghiệp, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
- Đồng Sỹ Hùng, Bùi Thị Phương, Phạm Ngọc Thảo, Nguyễn Thị Lệ Hằng, Nguyễn Thanh Nghị và Phạm Đình Phùng. 2019. Chọn lọc nâng cao năng suất giống gà Ninh Hòa qua các thế hệ. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi số 98 tháng 04 năm 2019.
- Nguyễn Viết Thái. 2012. Nghiên cứu xác định tổ hợp lai có hiệu quả kinh tế giữa gà H'Mông và gà Ai Cập để sản xuất gà xương, da, thịt đen. Luận án Tiến sỹ Nông nghiệp, Viện Chăn nuôi, Hà Nội.
- Phạm Công Thiệu, Vũ Ngọc Sơn, Hoàng Văn Tiệu, Nguyễn Viết Thái và Trần Kim Nhân. 2009. Chọn lọc nâng cao năng suất chất lượng gà H'ômông. Báo cáo khoa học năm 2009 - Phần Di truyền Giống vật nuôi, Viện Chăn nuôi, 2009.
- Phạm Công Thiệu, Nguyễn Hữu Cường, Phạm Hải Ninh, Nguyễn Quyết Thắng, Trần Quốc Hùng, Nguyễn Thị Thanh Vân, Đỗ Văn Huỳnh và Nguyễn Khắc Khánh. 2018. Đặc điểm ngoại hình và khả năng sản xuất của gà Hắc Phong. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi số 84, 2018.
- Trần Thị Mai Phương, Nguyễn Văn Thiện và Trần Long. 2004. Nghiên cứu khả năng sản xuất và chất lượng thịt của giống gà ác. Hội nghị bảo tồn quý gen vật nuôi, 2004. Tr. 153-163.
- Hồ Xuân Tùng, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Đồng và Nguyễn Thị Thu Hiền. 2009. Đánh giá đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh trưởng, sinh sản của 3 giống gà Hồ, Mía, Móng (Tiên Phong) tại Trại Thực nghiệm Liên Ninh. Báo cáo khoa học năm 2008 - Phần Di truyền Giống vật nuôi, Viện Chăn nuôi, 2009.

## ABSTRACT

### **Production of DA15-16 chicken breed race through generation**

DA15-16 chickens were imported to Vietnam since 2016 from the DA15 project in order to survey and evaluate the unique appearance the production ability of DA15-16 chickens through generations from 2016 - 2019. The study was conducted at centre of applied research and livestock genetic conservation from 2016 - 2019 to assess the production physical appearance characteristics and production ability of DA15-16 chickens. Experiment was arranged according to the method of a completely JG. Experimental results showed: DA15-16 chickens have homogeneous white milky fur, black skin and black leg skin. Survival rate of DA15-16 chickens was high, from 0 - 8 weeks of 96.01 - 96.46%. The period of 9-20 weeks old, roosters reach 96.61 - 97.14% and in hens was 97.06 - 97.54%. Average weight of 20-week-old rooster reach 2589.33 - 2669.33 g; of hen reach 1865.33 - 1935.33 g. DA15-16 chickens have the first egg age (147-151 days of age). The number of eggs was 73.75 - 76.05 /hen/52 weeks of age and feed consumption was 3.46-3.44 kg; ingot rate of DA15-16 chicken was 88.90 - 90.20%.

**Keywords:** *Chicken DA15-16, the generation, reproductivity.*

Ngày nhận bài: 18/11/2019

Ngày phân biện đánh giá: 25/11/2019

Ngày chấp nhận đăng: 16/01/2020

**Người phân biện:** *TS. Ngô Thị Kim Cúc*